TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 24-4-2018.
V/v: *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;

2. Ông Nguyễn Công Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc "*tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H, sinh năm 1991. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Lương Văn N, sinh năm 1973. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn Phú Bình, xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Đoàn Thị H trình bày: Chị và anh Lương Văn N kết hôn vào ngày 09/10/2013, được Ủy ban nhân dân xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45, quan hệ hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do

anh N đi làm nhưng không đem tiền về nuôi con, anh N còn ghen tuông, cờ bạc, rượu chè và đánh đập vợ con. Chị đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh N vẫn không thay đổi. Nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh N và vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Lương Văn H, sinh ngày 24/11/2013 và Lương Thị Hồng H, sinh ngày 19/11/2015. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Chị H không có trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn - anh Lương Văn N: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu quan điểm: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị H được ly hôn với anh N và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh N tại thôn Phú Bình, xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam; chị H yêu cầu ly hôn và nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là "tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam ngày 09/10/2013 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh N sống không hạnh phúc. Theo chị H trình bày là do anh N không có trách nhiệm, ghen tuông, cờ bạc, rượu chè và đánh đập

vợ con. Tại biên bản xác minh ngày 29/11/2017, UBND xã Quế Xuân 2 cung cấp: "*Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh N là do anh N cờ bạc, nhậu nhẹt*". Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N đều vắng mặt, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Chị H với anh N đã không còn chung sống với nhau hơn một năm nay. Chị H đã nhiều lần nói chuyện với anh N nhưng anh N vẫn không thay đổi nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Theo kết quả xác minh tại UBND xã Quế Xuân 2 ngày 29/11/2017 thì chị H làm công nhân may lương trung bình mỗi tháng 3.500.000 đồng và mức lương hiện tại là 5.900.000 đồng. Như vậy, chị H có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con. Anh N vắng mặt tại Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu nuôi con chung của chị H. Hiện nay, cháu Hiền còn nhỏ, cháu Hậu chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần nhiều sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao các cháu Hiền, Hậu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị H về việc "*tranh chấp về ly hôn và nuôi dưỡng con chung*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị H được ly hôn với anh Lương Văn N.

2. Về con chung: Giao các cháu Lương Văn H, sinh ngày 24/11/2013 và Lương Thị Hồng H, sinh ngày 19/11/2015 cho chị Đoàn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*.

Anh Lương Văn N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006542 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng N;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Xuân 2, huyện Quế Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ